

Số: /KH-UBND

Trà Bồng, ngày tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản
trên địa bàn huyện Trà Bồng năm 2025**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Thú y và Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 Quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật và số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND, ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Qui định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Số 353/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 ban hành Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 1989/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; 767/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Kế hoạch Quốc gia phòng, chống bệnh cúm gia cầm giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 1548/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCP giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 523/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 08/10/2020; số 1827/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 692/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống một số bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 312/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh VDNC trên trâu bò giai đoạn 2022-2030 trên

địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 59/KH-UBND ngày 29/3/2022 thực hiện kế hoạch thực hiện “Chương trình quốc gia phòng chống bệnh đại giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 Ban hành Quy định mức hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 644/QĐ-SNNPTNT ngày 09/11/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Phương án Quản lý thuốc thú y từ nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 261/TY-DT ngày 30/01/2024 của Cục Thú y về việc cập nhật tình hình lưu hành vi rút CGC, LMLM, VDNC và khuyến cáo sử dụng vắc xin;

Căn cứ Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Xét đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 16/NNMT ngày 13/3/2025 về việc đề nghị ban hành Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện Trà Bồng năm 2025, UBND huyện Trà Bồng xây dựng Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện Trà Bồng năm 2025, với những nội dung sau:

II. MỤC TIÊU

- Hạn chế dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản xảy ra trong năm 2025, tiến tới khống chế bệnh Lở mồm long móng (LMLM) gia súc, Cúm gia cầm, Đại chố mèo, Viêm da nổi cục (VDNC) trâu bò, Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) ... trong những năm tiếp theo.

- Nâng cao nhận thức về phòng, chống dịch bệnh ở gia súc, gia cầm và động vật thủy sản nuôi cho Nhân dân, thú y cơ sở; đảm bảo tiêm phòng vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm đạt tỷ lệ từ 80% tổng đàn trở lên.

- Phát hiện, khống chế, dập tắt nhanh các ổ dịch xảy ra ở gia súc, gia cầm và thủy sản, không để dịch lây lan ra diện rộng, giảm thiểu thiệt hại về kinh tế của nhà nước và Nhân dân.

III. NỘI DUNG

3.1. Tiêm phòng

3.1.1. Đối tượng, tỷ lệ, địa bàn và thời gian thực hiện

TT	Loại bệnh	Đối tượng tiêm phòng	Tỷ lệ và địa bàn thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Bệnh Lở mồm long móng (LMLM)	Trâu, bò từ: 04 tuần tuổi trở lên hoặc hướng dẫn	- Tỷ lệ tối thiểu 80% diện tiêm. - Địa bàn: 16 xã, thị trấn	- Đợt 1: Tháng 5/2025 - Đợt 2: Từ tháng 11/2025 - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của

TT	Loại bệnh	Đối tượng tiêm phòng	Tỷ lệ và địa bàn thực hiện	Thời gian thực hiện
	gia súc	của nhà sản xuất		người chăn nuôi
2	Bệnh Cúm gia cầm	Gia cầm từ 2 tuần tuổi trở lên.	- Tỷ lệ tối thiểu 80% diện tiêm. - Địa bàn: 16 xã, thị trấn	- Đợt 1: Tháng 4/2025 - Đợt 2: Từ tháng 10/2025 - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi
3	Bệnh Đại động vật	Chó, mèo từ 2 tháng tuổi trở lên	- Tỷ lệ tối thiểu 70% diện tiêm. - Địa bàn: 16 xã, thị trấn	- Tiêm đại trà vào tháng 5/2025. - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.
4	Bệnh Viêm da nổi cục trâu bò	Trâu, bò, bê, nghé mọi lứa tuổi, kể cả con mẹ mang thai	- Tỷ lệ tối thiểu 80% diện tiêm. - Địa bàn: 16 xã, thị trấn	- Tiêm đại trà 1 đợt/năm vào tháng 3/2025; - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.
5	Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất	- Tỷ lệ tối thiểu 80% diện tiêm. - Địa bàn: 16 xã, thị trấn	Tiêm theo lứa tuổi và đúng đối tượng.
6	Bệnh THT trâu bò	Trâu, bò từ 6 tháng tuổi trở lên.	- Tỷ lệ tối thiểu 80% diện tiêm. - Địa bàn: 16 xã, thị trấn	- Tiêm đại trà 1 đợt/năm vào tháng 6/2025; - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.

TT	Loại bệnh	Đối tượng tiêm phòng	Tỷ lệ và địa bàn thực hiện	Thời gian thực hiện
7	Bệnh DTL cổ điển	Lợn từ 5 tuần tuổi trở lên		- Đợt 1: Tháng 4/2025. - Đợt 2: Tháng 10/2025. - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.
8	Bệnh tai xanh	Lợn nái, đực giống	- Tỷ lệ tối thiểu 80% diện tiêm.	Khi có dịch xảy ra

3.1.2. Vắc xin sử dụng tiêm phòng.

TT	Loại bệnh	Loại vắc xin	Liều lượng
1	Bệnh LMLM gia súc	Theo chỉ đạo của Cục Thú y và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo qui định của nhà sản xuất.
2	Bệnh Cúm gia cầm		
3	Bệnh Đại động vật		
4	Bệnh VDNC trâu, bò		
5	Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi		
6	Bệnh THT trâu bò		
7	Bệnh Dịch tả lợn cổ điển		

3.1.3. Nhu cầu và nguồn vắc xin tiêm phòng

3.1.3.1. Tiêm phòng Cúm gia cầm

- Nhu cầu và nguồn vắc xin

TT	Xã, thị trấn	Tổng đàn gia cầm (con)	Tổng diện tiêm (con)	Nhu cầu 1 đợt (liều)	Nhu cầu 1 năm (liều)	Nguồn vắc xin	
						Tỉnh mua (liều)	Huyện mua (liều)
1	Trà Xuân	10.200	1.200	600	1.200	1.200	0
2	Trà Bình	12.100	6.800	3.400	6.800	6.800	0
3	Trà Phú	2.500	1.600	850	1.700	1.700	0
4	Trà Tân	1.800	1.400	1.400	2.800	2.800	0
Tổng cộng		26.600	11.000	6.250	12.500	12.500	0

- Tổng nhu cầu vắc xin Cúm gia cầm cả năm 2025: 12.500 liều.
- Nguồn vắc xin CGC cả năm 2025:
 - + Mua từ ngân sách tỉnh: 12.500 liều.
 - + Mua từ ngân sách cấp huyện: 0 liều.

3.1.3.2. Tiêm phòng vắc xin LMLM cho trâu bò

TT	Xã, thị trấn	Tổng đàn trâu bò (con)	Tổng diện tiêm (con)	Nhu cầu 1 đợt (liều)	Nhu cầu 1 năm (liều)	Nguồn vắc xin	
						Tỉnh mua (liều)	Huyện mua (liều)
1	Trà Tân	900	750	700	1.400	1.400	0
2	Trà Bùi	750	575	575	1.150	1.150	0
3	Trà Bình	2.200	1.600	1.500	3.000	3.000	0
4	Trà Giang	470	400	375	750	750	0
5	Trà Phú	750	650	650	1.300	1.300	0
6	Trà Xuân	687	400	400	800	800	0
7	Trà Sơn	1.612	1.050	1.050	2.100	2.100	0
8	Trà Thủy	1.134	900	800	1.600	1.600	0
9	Trà Hiệp	769	575	550	1.100	1.100	0
10	Trà Thanh	625	475	400	800	800	0
11	Sơn Trà	1.003	650	650	1.300	1.300	0
12	Trà Phong	809	650	1.200	2.400	2.400	0
13	Trà Xinh	453	350	350	700	700	0
14	Trà Tây	1.089	950	950	1.900	1.900	0
15	Hương Trà	1.850	1.600	1.400	2.800	2.800	0
16	Trà Lâm	567	450	450	900	900	0
Tổng cộng		15.668	12.675	12.000	24.000	24.000	0

- Tổng nhu cầu vắc xin LMLM cả năm 2025: 24.000 liều.
- Nguồn vắc xin LMLM cả năm 2025:
 - + Mua từ ngân sách tỉnh: 24.000 liều.
 - + Mua từ ngân sách cấp huyện: 0 liều.

3.1.3.3. Tiêm phòng vắc xin Viêm da nổi cục cho trâu bò

TT	Xã, thị trấn	Tổng đàn trâu bò (con)	Tổng diện tiêm (con)	Nhu cầu 1 đợt (liều)	Nhu cầu 1 năm (liều)	Nguồn vắc xin	
						Tỉnh mua (liều)	Huyện mua (liều)
1	Trà Tân	900	750	750	750		
2	Trà Bùi	750	580	575	575		
3	Trà Bình	2.200	1.600	1.600	1.600		
4	Trà Giang	470	400	400	400		

5	Trà Phú	750	650	650	650		
6	Trà Xuân	687	400	400	400		
7	Trà Sơn	1.612	1.050	1.050	1.050		
8	Trà Thủy	1.134	900	900	900		
9	Trà Hiệp	769	575	575	575		
10	Trà Thanh	625	480	475	475		
11	Sơn Trà	1.003	725	650	650		
12	Trà Phong	809	650	650	650		
13	Trà Xinh	453	350	350	350		
14	Trà Tây	1.089	950	950	950		
15	Hương Trà	1.850	1.600	1.600	1.600		
16	Trà Lâm	567	450	200	200		
Tổng cộng		15.668	12.110	11.775	11.775	5.050	6.725

- Tổng nhu cầu vắc xin VDNC cả năm 2025: 11.775 liều.

- Nguồn vắc xin VDNC cả năm 2025:

+ Mua từ ngân sách tỉnh: 5.050 liều.

+ Mua từ ngân sách cấp huyện: 6.725 liều.

3.1.3.4. Tiêm phòng vắc xin Dịch tả lợn Châu phi cho lợn

TT	Xã, thị trấn	Tổng đàn heo (con)	Tổng diện tiêm (con)	Nhu cầu 1 đợt (liều)	Nhu cầu 1 năm (liều)	Nguồn vắc xin	
						Tỉnh mua (liều)	Huyện mua (liều)
1	Trà Tân	450	300	300	600		
2	Trà Bùi	529	400	400	800		
3	Trà Bình	1.025	800	800	1.600		
4	Trà Giang	415	350	350	700		
5	Trà Phú	900	700	700	1.400		
6	Trà Xuân	700	550	550	1.100		
7	Trà Sơn	1.975	1.000	1.000	2.000		
8	Trà Thủy	1.000	600	600	1.200		
9	Trà Hiệp	300	250	250	500		
10	Trà Thanh	600	400	400	800		
11	Sơn Trà	350	350	350	700		
12	Trà Phong	551	400	400	800		
13	Trà Xinh	325	225	225	450		
14	Trà Tây	536	400	400	800		
15	Hương Trà	550	400	400	800		
16	Trà Lâm	500	250	250	500		
Tổng cộng		10.706	7.375	7.375	14.750	9.350	5.400

- Tổng nhu cầu vắc xin DTLCP cả năm 2025: 14.750 liều.

- Nguồn vắc xin DTLCP cả năm 2025:

+ Mua từ ngân sách tỉnh: 9.350 liều.

+ Mua từ ngân sách cấp huyện: 5.400 liều.

3.1.3.5. Tiêm phòng định kỳ bệnh Tụ huyết trùng trâu bò

TT	Xã, thị trấn	Tổng đàn trâu, bò (con)	Tổng diện tiêm (con)	Nhu cầu 1 đợt (liều)	Nhu cầu 1 năm (liều)	Nguồn vắc xin	
						Tỉnh mua (liều)	Cấp huyện mua (liều)
1	Trà Tân	900	750	750	750	0	750
2	Trà Bùi	750	580	575	575	0	575
3	Trà Bình	2.200	1.600	1.600	1.600	0	1.600
4	Trà Giang	470	400	400	400	0	400
5	Trà Phú	750	650	650	650	0	650
6	Trà Xuân	687	400	400	400	0	400
7	Trà Sơn	1.612	1.050	1.050	1.050	0	1.050
8	Trà Thủy	1.134	900	900	900	0	900
9	Trà Hiệp	769	575	575	575	0	575
10	Trà Thanh	625	480	475	475	0	475
11	Sơn Trà	1.003	725	650	650	0	650
12	Trà Phong	809	650	650	650	0	650
13	Trà Xinh	453	350	350	350	0	350
14	Trà Tây	1.089	950	950	950	0	950
15	Hương Trà	1.850	1.600	1.600	1.600	0	1.600
16	Trà Lâm	567	450	450	450	0	450
Tổng cộng		15.668	12.110	12.025	12.025	0	12.025

- Tổng nhu cầu vắc xin THT trâu bò cả năm 2025: 12.025 liều.

- Nguồn vắc xin THT trâu bò cả năm 2025:

+ Mua từ ngân sách tỉnh: 0 liều.

+ Mua từ ngân sách cấp huyện: 12.025 liều.

3.1.3.6. Nhu cầu vắc xin bệnh DTL cổ điển

TT	Xã, thị trấn	Tổng đàn lợn (con)	Tổng diện tiêm (con)	Nhu cầu 1 đợt (liều)	Nhu cầu 1 năm (liều)	Nguồn vắc xin	
						Tỉnh mua (liều)	Cấp huyện mua (liều)
1	Trà Tân	450	300	300	600	0	600
2	Trà Bùi	529	400	400	800	0	800
3	Trà Bình	1.025	800	800	1.600	0	1.600

4	Trà Giang	415	350	350	700	0	700
5	Trà Phú	900	650	650	1.300	0	1.300
6	Trà Xuân	700	550	550	1.100	0	1.100
7	Trà Sơn	1.975	1.010	1.000	2.000	0	2.000
8	Trà Thủy	1.000	600	600	1.200	0	1.200
9	Trà Hiệp	300	250	250	500	0	500
10	Trà Thanh	600	400	400	800	0	800
11	Sơn Trà	350	350	350	700	0	700
12	Trà Phong	551	400	400	800	0	800
13	Trà Xinh	325	225	225	450	0	450
14	Trà Tây	536	400	400	800	0	800
15	Hương Trà	550	400	400	800	0	800
16	Trà Lâm	500	250	250	500	0	500
Tổng cộng		10.706	7.335	7.325	14.650	0	14.650

- Tổng nhu cầu vắc xin DTL cổ điển cả năm 2025: 14.650 liều.

- Nguồn vắc xin DTL cổ điển cả năm 2025:

+ Mua từ ngân sách tỉnh: 0 liều.

+ Mua từ ngân sách cấp huyện: 14.650 liều.

3.2. Tiêu độc khử trùng và diệt côn trùng

3.2.1. Đối tượng tiêu độc khử trùng: Môi trường chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản khi bị dịch bệnh xảy ra trong năm và thực hiện 2 đợt "Tháng vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi" trong năm 2025.

3.2.2. Đối tượng diệt côn trùng: Môi trường chăn nuôi khi bị dịch bệnh xảy ra trong năm 2025.

3.2.3. Nhu cầu và nguồn hóa chất

T T	Xã, thị trấn	Nhu cầu hóa chất khử trùng môi trường 1 năm				Trong đó						
		Chăn nuôi		Nuôi trồng	Diệt côn trùng	Tỉnh mua			Cấp huyện mua			
		Phục vụ cho 2 đợt: Tháng vệ sinh KTTĐ	Phục vụ cho công tác PCD			Chăn nuôi		Nuôi trồng	Chăn nuôi	Nuôi trồng	Diệt côn trùng	
						Phục vụ cho 2 đợt: Tháng vệ sinh KTTĐ	Phục vụ cho công tác PCD					
1	Trà Tân	140	0	0	0	140	0	0	0	0	0	0
2	Trà Bùi	150	0	0	0	150	0	0	0	0	0	0
3	Trà Bình	180	0	0	0	180	0	0	0	0	0	0
4	Trà Giang	70	0	0	0	70	0	0	0	0	0	0
5	Trà Phú	160	0	0	0	160	0	0	0	0	0	0
6	Trà Xuân	150	0	0	0	150	0	0	0	0	0	0
7	Trà Sơn	160	0	0	0	160	0	0	0	0	0	0
8	Trà Thủy	170	0	0	0	170	0	0	0	0	0	0

9	Trà Hiệp	90	0	0	0	90	0	0	0	0	0
10	Trà Thanh	90	0	0	0	90	0	0	0	0	0
11	Sơn Trà	180	0	0	0	180	0	0	0	0	0
12	Trà Phong	120	0	0	0	120	0	0	0	0	0
13	Trà Xanh	70	0	0	0	70	0	0	0	0	0
14	Trà Tây	180	0	0	0	180	0	0	0	0	0
15	Hương Trà	180	0	0	0	180	0	0	0	0	0
16	Trà Lâm	90	0	0	0	90	0	0	0	0	0
	Cộng	2.180	0	0	0	2.180	0	0	0	0	0

- Tổng nhu cầu hóa chất khử trùng môi trường chăn nuôi năm 2025: 2.180 lít
- Nguồn hóa chất khử trùng môi trường chăn nuôi năm 2025:
 - + Ngân từ sách tỉnh: 2.180 lít
 - + Mua từ ngân sách huyện: 0 lít
- Tổng nhu cầu hóa chất khử trùng môi trường nuôi trồng năm 2025: 0 lít
- Nguồn hóa chất khử trùng môi trường nuôi trồng năm 2025:
 - + Ngân sách tỉnh: 0 lít
 - + Mua từ ngân sách huyện: 0 lít
- Tổng nhu cầu hóa chất diệt côn trùng: 0 lít
 - + Ngân sách tỉnh: 0 lít
 - + Mua từ ngân sách huyện: 0 lít

3.3. Giám sát dịch bệnh

Giám sát dịch bệnh trên cạn và thủy sản: Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tổ chức thực hiện nghiêm ngặt công tác kiểm tra việc mua bán, giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm, động vật thủy sản và sản phẩm của chúng trên địa bàn; trong đó lưu ý việc giám sát chặt chẽ, thông tin, tuyên truyền rộng rãi, không cho tiêu thụ gia cầm đã tiêm phòng vắc xin cúm chưa qua 14 ngày.

3.4. Tập huấn kỹ thuật. Tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho người chăn nuôi, thú y cơ sở để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

4.1. Công tác tổ chức triển khai

- Trong quá trình thực hiện công tác tiêm phòng, UBND xã, thị trấn phải có kế hoạch tiêm phòng trên địa bàn xã.

- Huy động tối đa lực lượng thú y đang hành nghề tại địa phương tham gia công tác tiêm phòng cho gia súc.

- Tuỳ thuộc vào số lượng gia súc đã đăng ký tiêm phòng để bố trí số tổ tiêm phòng và thành viên của tổ tiêm phòng cho phù hợp để đảm bảo tiêm phòng đạt kết quả, tránh lãng phí thời gian và kinh phí.

- Trong thời gian tổ chức tiêm phòng, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, UBND các xã, thị trấn theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác tiêm phòng và tổng hợp báo cáo kết quả tiêm phòng theo quy định.

4.2. Công tác giám sát dịch bệnh

Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, UBND các xã, thị trấn, lực lượng thú y cơ sở cùng các ban ngành chức năng và đoàn thể tại địa phương thực hiện công tác quản lý, theo dõi, giám sát tình hình dịch bệnh tại cơ sở, nhằm phát hiện báo cáo và tổ chức phòng chống kịp thời khi dịch bệnh xảy ra. Ngành Thú y duy trì và tăng cường chế độ trực phòng chống dịch vào các ngày nghỉ, ngày lễ khi có dịch xảy ra.

4.3. Công tác vệ sinh, tiêu độc khử trùng

Khi có chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền triển khai công tác tiêu độc khử trùng, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường theo văn bản chỉ đạo của huyện và hướng dẫn của ngành chức năng.

4.4. Công tác kiểm tra, giám sát lưu thông gia súc, gia cầm, động vật thủy sản và sản phẩm của gia súc, gia cầm, động vật thủy sản

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tổ chức thực hiện nghiêm ngặt công tác kiểm tra việc mua bán, giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm, động vật thủy sản và sản phẩm của chúng trên địa bàn.

4.5. Tổ chức tiêm phòng

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động chủ cơ sở chăn nuôi tiêm phòng vắc xin theo qui định.

- Mua các vật tư phục vụ cho công tác tiêm phòng.

- Huy động tối đa lực lượng thú y đang hoạt động tại cơ sở tham gia tiêm phòng (gồm: Thú y xã, thú y hành nghề tư nhân), cán bộ thôn, tổ dân phố tham gia.

- Các cơ quan chuyên môn và UBND xã, thị trấn thực hiện công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm tại địa phương theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện: Tiếp nhận vắc xin, vật tư từ Chi cục Chăn nuôi và Thú y và đề xuất phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tham mưu cho UBND huyện phân bổ cho các xã, thị trấn để tiêm phòng cho gia súc; thực hiện tập huấn, hướng dẫn quy trình kỹ thuật tiêm phòng cho thú y cơ sở trực tiếp tham gia tiêm phòng vắc xin.

- UBND xã, thị trấn: Xây dựng kế hoạch và chịu trách nhiệm về số lượng vắc xin và công tác tiêm phòng tại cơ sở.

4.6. Chống dịch khi có dịch xảy ra

- Xây dựng kế hoạch chống dịch cụ thể cho từng loại dịch bệnh xảy ra.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định chống dịch đối với từng bệnh theo quy định của Bộ NN&MT, Cục Thú y.

- Theo dõi giám sát dịch tễ, thông tin dịch bệnh kịp thời, quản lý và tổ chức tiêu huỷ gia súc, gia cầm, động vật thủy sản bị bệnh theo đúng quy định nhà nước.

- Thành lập các Chốt Kiểm dịch tạm thời để chống dịch.

- Khi dịch xảy ra tổ chức lấy mẫu xét nghiệm xác định mầm bệnh, khung vùng ổ dịch, có biện pháp chống dịch phù hợp và triển khai tiêm phòng vắc xin bao vây.

- Đối với bệnh Tai xanh trên lợn: Khi dịch xảy ra tổ chức tiêm phòng bao vây ổ dịch. Đối với số lợn mắc bệnh nếu số lợn mắc bệnh nhiều, ở diện rộng thì tiêu huỷ số gia súc bị nặng không thể điều trị được, số gia súc còn lại nuôi cách ly và điều trị theo hướng dẫn của ngành Thú y. Trường hợp số lượng gia súc mắc bệnh ít, dịch xảy ra ở diện hẹp thì tiêu huỷ toàn bộ số lợn mắc bệnh.

- Đối với bệnh Dịch tả lợn Châu phi: Khi xảy ra dịch bệnh tổ chức lấy mẫu xác định mầm bệnh để khoanh vùng ổ dịch và tiêu huỷ theo quy định.

4.7. Công tác tập huấn, thông tin tuyên truyền

- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kế hoạch tiêm phòng, thông tin về dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch tới người dân để toàn dân tích cực hưởng ứng công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

- Tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho người chăn nuôi, thú y cơ sở để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

5.1. Nội dung chi

5.1.1. Tiêm phòng các loại vắc xin cho gia súc, gia cầm

- Mua vắc xin tiêm phòng.

TT	Loại vắc xin tiêm phòng	Phân cấp nguồn kinh phí	Ghi chú
1	Cúm gia cầm	Ngân sách tỉnh 100%	
2	Vắc xin LMLM trâu bò	Ngân sách tỉnh 100%	
3	Vắc xin Đại	Người chăn nuôi trả 100%	
4	Vắc xin Viêm da nổi cục	Ngân sách tỉnh và Ngân sách huyện	
5	Vắc xin DTLCP	Ngân sách tỉnh và Ngân sách huyện	
6	Vắc xin Tụ huyết trùng cho trâu, bò	Ngân sách huyện 100%	
7	Vắc xin Dịch tả lợn cổ	Ngân sách huyện 100%	

	điền		
8	Vắc xin tai xanh	Ngân sách tỉnh (Khi có dịch)	

- Bồi dưỡng cho lực lượng trực tiếp tham gia tiêm phòng:

TT	Công tiêm phòng các loại dịch bệnh	Phân cấp nguồn kinh phí	Ghi chú
1	Cúm gia cầm	NS huyện	
2	Lở mồm long móng	NS huyện	
3	Dại	Người chăn nuôi chi trả	
4	Vắc xin Viêm da nổi cục	NS huyện	
5	Vắc xin DTLCP	NS huyện	
6	Tụ huyết trùng trâu, bò	NS huyện	
7	Vắc xin Dịch tả lợn	NS huyện	
8	Bệnh tai xanh	NS tỉnh 100%	

- Bồi dưỡng cho cán bộ huyện, xã:

- Bồi dưỡng cho cán bộ huyện, xã: Bồi dưỡng cán bộ huyện, xã được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng văn bản phân công chỉ đạo tiêm phòng và những chi phí khác phục vụ cho công tác tiêm phòng vắc xin.

- Hỗ trợ cho chủ cơ sở có vật nuôi bị phản ứng chết do tiêm phòng vắc xin.

5.1.2. Tiêu độc, khử trùng môi trường chuồng trại và ao hồ

- Mua hóa chất: Tổng nhu cầu hóa chất cả năm: 2.180 lít hoá chất. Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh mua: 2.180 lít hoá chất.

+ Ngân sách huyện mua: 0 lít hoá chất.

- Công tiêu độc khử trùng: Kinh phí huyện trả chi phí thuê nhân công, dụng cụ và chi phí khác thực hiện tiêu độc khử trùng.

5.1.3. Mua dụng cụ, vật tư phục vụ cho công tác tiêm phòng:

5.1.4. Kinh phí giám sát khi dịch bệnh xảy ra

5.1.5. Tập huấn:

5.1.6. Chi bảo quản, vận chuyển vắc xin, hóa chất

5.1.7. Thông tin tuyên truyền, sơ kết - tổng kết:

5.2. Kinh phí thực hiện

5.2.1. Tổng kinh phí: 1.815.147.000 đồng. (Bằng chữ: Một tỷ tám trăm mười lăm triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Trong đó:

+ Phòng chống bệnh CGC:	74.380.000 đồng.
+ Phòng chống bệnh LMLM gia súc:	213.300.000 đồng.
+ Phòng chống bệnh Đại :	57.400.000 đồng.
+ Phòng chống bệnh VDNC:	368.142.500 đồng.
+ Phòng chống bệnh DTLCP:	468.304.000 đồng.
+ Phòng chống bệnh THT trâu bò:	197.456.500 đồng.
+ Phòng chống bệnh DT lợn cổ điển:	177.074.000 đồng.
+ Tiêu độc khử trùng:	259.090.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

5.2.2. Chống dịch gia súc, gia cầm và thủy sản

Khi có dịch xảy ra, xây dựng kế hoạch chống dịch với định mức chi phục vụ công tác phòng, chống dịch thực hiện theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 09/03/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số: 1989/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các văn bản liên quan theo quy định hiện hành của nhà nước và Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 Ban hành Quy định mức hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Chủ cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm thuộc đối tượng tiêm phòng không chấp hành tiêm phòng vắc xin bắt buộc và không khai báo theo quy định của Luật chăn nuôi; nuôi động vật thủy sản khi nhập con giống không có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, không theo lịch thời vụ,... để xảy ra dịch bệnh buộc phải tiêu hủy thì chủ chăn nuôi sẽ không được hỗ trợ thiệt hại theo quy định của nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Công tác chỉ đạo điều hành

6.1.1. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện

- Tổ chức tuyên truyền trên địa bàn UBND xã, thị trấn biết để phòng, chống dịch.

- Khi có dịch xảy ra UBND các xã, thị trấn báo cáo và tổ chức phòng chống dịch theo quy định.

- Triển khai kế hoạch phòng chống dịch gia súc, gia cầm và động vật thủy sản năm 2025 trên địa bàn; trực tiếp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác tiêm phòng, chống dịch (khi có dịch xảy ra) trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp, đề xuất với Phòng Nông nghiệp và Môi trường các ngành liên quan để triển khai thực hiện tốt kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, động vật thủy sản và tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi trên địa bàn huyện năm 2025.

- Tổ chức quản lý tốt tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch và phối hợp UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường.

- Tiếp nhận vắc xin, hóa chất, dụng cụ, trang thiết bị đúng thời gian, bảo quản theo quy định, đủ số lượng theo kế hoạch để đề xuất phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho UBND huyện phân bổ kịp thời cho các địa phương thực hiện phòng, chống dịch theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

- Đề xuất phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện năm 2025.

6.1.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Trên cơ sở kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2025 trên địa bàn huyện được phê duyệt, tham mưu đề xuất UBND huyện phân bổ kinh phí kịp thời theo tiến độ, đảm bảo thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

6.1.3. Phòng Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ động phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện; UBND các xã, thị trấn tích cực chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra giúp các địa phương thực hiện tốt kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, động vật thủy sản trên địa bàn huyện năm 2025.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, động vật thủy sản trên địa bàn huyện năm 2025 của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện; UBND các xã, thị trấn.

6.1.4. Chủ vật nuôi

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho động vật, tiêm phòng vắc xin bắt buộc cho gia súc, gia cầm tiêu độc định kỳ chuồng trại và tiêu độc khử trùng phòng chống bệnh theo quy định.

- Những hộ chăn nuôi cố tình trốn tránh việc tiêm phòng bắt buộc cho vật nuôi và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh sẽ bị xử lý theo quy định và không được xem xét hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước về chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm theo quy định.

6.2. Phương pháp thực hiện

- Trước mỗi đợt tiêm phòng vắc xin cho vật nuôi, UBND các xã, thị trấn chỉ đạo Ban Chỉ đạo phòng chống dịch ở địa phương mình sử dụng các phương tiện thông tin như: Loa cầm tay, loa phóng thanh, đài truyền thanh thông báo rộng rãi, nhiều lần, đảm bảo thông tin đến được với người chăn nuôi để người chăn nuôi biết thông tin về lịch trình tiêm phòng, chủ động nhốt vật nuôi để tiêm phòng.

- Khi có dịch xảy ra UBND xã, thị trấn phải báo cáo và tổ chức chống dịch theo quy định; tổ chức quản lý ổ dịch chặt chẽ.

6.3. Chế độ báo cáo

- Trong thời gian tiêm phòng vắc xin cho gia súc cũng như trong thời gian chống dịch, UBND các xã, thị trấn báo cáo nhanh diễn biến tình hình dịch bệnh và kết quả tiêm phòng vắc xin về Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện để tổng hợp báo cáo Phòng Nông nghiệp và MT huyện.

- Đối với tiêm phòng bổ sung và nhắc lại cho gia súc UBND các xã, thị trấn phải cập nhật vào báo cáo định kỳ hằng tháng, quý, năm để theo dõi tổng hợp.

6.4. Đánh giá tổng kết công tác phòng, chống dịch

Sau mỗi đợt tiêm phòng, chống dịch, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm. Đề xuất cho phòng Nông nghiệp và MT huyện tham mưu UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban, ngành huyện, các tổ chức chính trị - xã hội huyện thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh gia súc gia cầm trong những năm tiếp theo.

Trên đây là Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản năm 2025 trên địa bàn huyện Trà Bông. Yêu cầu thủ trưởng các phòng, ban, ngành trực thuộc huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về UBND huyện (qua phòng Nông nghiệp và MT, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp) để tham mưu UBND huyện chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT
 - Thường trực Huyện ủy
 - Thường trực HĐND huyện
 - Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh;
 - CT, PCT UBND huyện;
 - Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
 - Phòng Tài chính – Kế hoạch;
 - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp;
 - UBND các xã, thị trấn;
 - C, PVP (KTTH), CV (NN);
 - Lưu: VT.
- (để báo cáo);

**KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Sương